

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY AN
TỈNH PHÚ YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 18/03/2025

V/v “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN - TỈNH PHÚ YÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phong

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Mạnh Tiến và ông Lê Như Nghi

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trọng Khiêm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 03 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy An mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 160/2024/TLST–HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2024, về việc: “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Trần Trúc L, sinh năm 2004. Xin xét xử vắng mặt

Địa chỉ: thôn H, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên.

- **Bị đơn:** Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1984. Có mặt

Địa chỉ: thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện nguyên chị Trần Trúc L trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn Đ tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A vào ngày 26/9/2023. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, hiện tại chị và anh Đ không còn sống chung với nhau. Nay, không còn tình cảm gì nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết. Đối với yêu cầu chia 05 chỉ vàng 9999 của anh Đến thì chị không đồng ý. Vì khi vợ chồng kết hôn hai bên gia đình cũng có cho một số vàng để làm ăn, nhưng không nhớ bao nhiêu do chị bị bệnh động kinh. Trong thời gian vợ chồng không có việc làm đã chi tiêu hết cho sinh hoạt của vợ chồng và một phần cũng điều trị bệnh động kinh của chị nên hiện nay không có tài sản gì.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày: Thống nhất về quan hệ hôn nhân, con chung như nguyên đơn trình bày. Về hôn nhân: Vợ chồng có mâu thuẫn nên đồng ý ly hôn. Về con chung: không có. Về tài sản chung: Vợ chồng có 13 chỉ vàng y 9999 và 02 chiếc nhẫn đính hôn khi vợ chồng cưới nhau hai bên gia đình cho vợ chồng, bên anh cho 05 chỉ vàng 9999 và hai nhẫn cưới còn lại là do bên phía chị

L cho 08 chỉ vàng. Ly hôn anh yêu cầu chị L trả lại 05 chỉ vàng mà bên cha mẹ anh đã cho khi cưới tương đương khoảng 46.750.000 đồng. Còn số vàng bên cha mẹ chị L cho thì giao lại cho chị L.

Tại phiên tòa bị đơn đồng ý ly hôn, về con chung không có, về tài sản chung, rút yêu cầu chia tài sản chung là 05 chỉ vàng 9999.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về vụ án: Về thủ tục tố tụng Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; áp dụng khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử đối với phần bị đơn anh Đ đến yêu cầu chia tài sản chung 05 chỉ vàng 9999.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh Đ tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 26/9/2023 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng có mâu thuẫn được các bên thừa nhận. Như vậy, mâu thuẫn của vợ chồng là không thể khắc phục, tình trạng hôn nhân lâm vào trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị L được ly hôn với anh Đ.

[3] Về con chung: Không có, không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Tại phiên tòa anh Đ rút yêu cầu chia tài sản chung là 05 chỉ vàng 9999. Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử đối với phần bị đơn anh Đ yêu cầu chia tài sản chung 05 chỉ vàng 9999.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị L là người có nhược điểm về tâm thần nên không phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 11 Nghị Quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Anh Đ rút yêu cầu chia tài sản chung, áp dụng khoản 3 Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự hoàn lại cho anh Đ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 3 Điều 218; Điều 227; 228; khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm đ khoản 1 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Trúc L.

Về hôn nhân: Chị Trần Trúc L được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Không có, không giải quyết.

Về tài sản chung: Đình chỉ xét xử đối với phần bị đơn anh Đ yêu cầu chia tài sản chung là 05 chỉ vàng 9999.

Về án phí: Chị L không phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, nên hoàn lại cho chị L 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0000195 ngày 25/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy An. Hoàn lại cho anh Đ 1.169.000 đồng án phí yêu cầu chia tài sản chung theo Biên lai thu tiền số 0006625 ngày 16/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy An

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- UBND xã A;
- VKSND huyện Tuy An;
- Chi cục THADS huyện Tuy An;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Phong